

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VINH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 14 -5- 2021

*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VINH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.

**- *Các Hội thẩm nhân dân:***

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

Ông Triệu Khánh Long

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công Ki vụ án dân sự thụ lý số: 45/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020, về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 09A/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021; giữa các đương sự;

**- *Nguyên đơn:*** Ngân hàng A; địa chỉ: đường H, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1979; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A– Chi nhánh thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: đường Nguyễn Huệ, khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNN-PC ngày 27/12/2019 (Vắng mặt)

Người được ủy quyền lại: Ông Đồng Đức H; Địa chỉ: đường Nguyễn Huệ, khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy ủy quyền số 144/GUQ-NHNN.VC ngày 13/5/2021) (Có mặt)

**- *Bị đơn:*** Ông Trịnh Tặc S, sinh năm 1966; địa chỉ: khóm M, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

**- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Chị Trịnh Xiếu K, sinh năm 1988; Địa chỉ: đường Lê Lai, khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

2/ Anh Trịnh Văn K, sinh năm 1992; Địa chỉ: khóm M, Phường B, thị xã

VC, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2020 (BL65-66) của nguyên đơn Ngân hàng A, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Đồng Đức H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 21/3/2012, Ngân hàng A – Chi nhánh thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng với ông Trịnh Tặc S đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2012-45/HĐTD. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho ông S vay số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay để nuôi tôm; lãi suất 18.0%/năm; thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng. Đến ngày 23/12/2014, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng với ông Trịnh Tặc S tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số 149/P2/071/2014/HĐTD. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho ông S vay số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng); mục đích vay để nuôi tôm; lãi suất 7.0%/năm; thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Trịnh Tặc S và bà Trịnh Thị L đã cùng ký kết với Ngân hàng là Hợp đồng thế chấp số 7606-128578670/HĐTC ngày 18/12/2009; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 197740 được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (Nay là Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/01/1997 do hộ Trịnh Tặc S đứng tên.

Thực hiện 02 Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân và ông S đã nhận đủ số tiền vay nêu trên.

Tính đến ngày 14/5/2021, ông S còn nợ Ngân hàng như sau:

1. Tại Hợp đồng tín dụng số 2012-45/HĐTD ngày 21/3/2012:

- Nợ gốc 240.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn 132.860.000 đồng;
- Nợ lãi quá hạn 45.210.000 đồng;

Tổng cộng 418.070.000 đồng.

2. Tại Hợp đồng tín dụng số 149/P2/071/2014/HĐTD ngày 23/12/2014:

- Nợ gốc 110.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn 68.065.278 đồng;
- Nợ lãi quá hạn 9.360.556 đồng;

Tổng cộng 187.425.834 đồng.

Tổng cộng của hai hợp đồng tín dụng thì ông S còn nợ Ngân hàng là 605.495.834 đồng (Sáu trăm lẻ năm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông S không thực hiện nên phát sinh tranh chấp.

Nay, Ngân hàng Ayêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Trịnh Tặc S phải thanh toán số nợ tại 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 14/5/2021 như sau:

- Nợ gốc 350.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn 200.925.278 đồng;

- Nợ lãi quá hạn 54.570.556 đồng.

Tổng cộng 605.495.834 đồng (Sáu trăm lẻ năm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng).

Ngoài ra, ông S còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 15/5/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: Giấy chứng minh nhân dân của ông Trần Thanh H; Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh; Quyết định điều động số 1600/QĐ-NHNN-TCTL ngày 27/7/2018; Quyết định ủy quyền số 2965 ngày 27/12/2019; Hợp đồng tín dụng số 2012-45/HĐTD ngày 21/3/2012; Hợp đồng tín dụng số 149/P2/071/2014/HĐTD ngày 23/12/2012; Bản sao phụ lục hợp đồng thế chấp số 149/P2/071/2014/HĐTC ngày 23/12/2014; Bản sao hợp đồng thế chấp số 7606-128578670/HĐTC ngày 18/12/2009; Phụ lục hợp đồng thế chấp 7606-128578670 ngày 26/02/2011; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 07/PLHĐ ngày 21/3/2012; Giấy chứng nhận QSDĐ; Giấy nhận nợ ngày 22/12/2012; 23/12/2014; Bảng kê tính lãi chưa thu ngày 18/12/2020; 30/12/2020; 19/01/2021; Bảng kê tính lãi ngày 13/5/2021; Quyết định ủy quyền số 144/GUQ.NHNN.VC ngày 13/5/2021.

*Theo biên bản ghi lời khai ngày 02/12/2020 (BL79) cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trịnh Tặc S trình bày:* Vào ngày 21/3/2012 ông S có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay tiền của Ngân hàng A với hạn mức tín dụng là 250.000.000 đồng. Đến ngày 23/12/2014 ông S tiếp tục ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 170.000.000 đồng, khi vay ông S có thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện ông S yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông S thống nhất không có ý kiến về số tiền còn nợ Ngân hàng, nhưng do kinh tế ông S gặp khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán cho Ngân hàng được, trường hợp Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì ông S cũng đồng ý, vì tài sản thế chấp hiện tại vẫn do ông S quản lý, sử dụng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Xiếu K; Trịnh Văn K đều vắng mặt tại tất cả các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Trịnh Tặc S, chị Trịnh Xiếu K, anh Trịnh Văn K biết và Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông S, chị K, anh K hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S, chị K, anh K đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho ông S, chị K, anh K biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông S, chị K, anh K cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị K và anh K vẫn vắng mặt không có lý do, ông S thì có mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã

chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa đúng pháp luật, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn với số tiền 605.495.834 đồng (trong đó nợ gốc 350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 200.925.278 đồng, nợ lãi quá hạn 54.570.556 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 2012-45/HĐTD ngày 21/3/2012; Hợp đồng tín dụng số 149/P2/071/2014/HĐTD ngày 23/12/2014, kể từ ngày 15/5/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tư cách đương sự và thủ tục tố tụng: Đối với bà Trịnh Thị L, sinh năm 1968 đã chết trước khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử xác định bà L không còn tư cách đương sự trong vụ án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Xiếu K, anh Trịnh Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Việc chị K, anh K vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị K, anh K.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng A có ký 02 hợp đồng tín dụng với bên vay ông Trịnh Tặc S, cho ông S vay tiền với mục đích là cải tạo đất, mua con giống, mua thức ăn, vôi. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận nên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Tặc S có nghĩa vụ thực hiện trả tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng A với bị đơn ông Trịnh Tặc S là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở Khóm M, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A về việc yêu cầu ông S trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2021). Tổng cộng là 605.495.834 đồng (bao gồm tiền vốn gốc là 350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 200.925.278 đồng, tiền lãi quá hạn 54.570.556 đồng). Hội đồng xét xử thấy: Theo hợp đồng tín dụng đã ký ngày 21/3/2012 và giấy nhận nợ ngày 22/3/2012 ông S nhận tiền vay của Ngân hàng là 240.000.000 đồng, thời hạn vay

là 12 tháng, kể từ ngày 22/3/2012 đến ngày 20/3/2013 là đáo hạn, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 16%/năm và lãi suất quá hạn là 20.8%/năm, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, khi vay có thể chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm khoản vay, nhưng không có đăng ký giao dịch bảo đảm. Theo hợp đồng tín dụng đã ký ngày 23/12/2014 và giấy nhận nợ ngày 23/12/2014 thì ông S nhận tiền vay của Ngân hàng là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 23/12/2014 đến ngày 20/12/2015 là đáo hạn, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 7%/năm và lãi suất quá hạn là 8,4%/năm, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, khi vay có thể chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm khoản vay, nhưng không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngân hàng nhiều lần đôn đốc ông S thực hiện trả nợ gốc và lãi, nhưng ông S vẫn không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoảng nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn, Tòa án đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án đến bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị đơn đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cũng thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng, có thể chấp tài sản như Ngân hàng khởi kiện, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Xiếu K, Trịnh Văn K đã nhận văn bản của Tòa án nhưng không có ý kiến trình bày mặc nhiên đã thừa nhận, tình tiết nêu trên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Tòa chấp nhận buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[5] Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Trịnh Tặc S có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ của hai hợp đồng tín dụng là 605.495.834 đồng (Trong đó nợ gốc 350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 200.925.278 đồng, nợ lãi quá hạn 54.570.556 đồng) là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7606-128578670/HĐTC ngày 18/12/2009; Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 7606-128578670 ngày 26/02/2011; Phụ lục Hợp đồng số 07/PLHĐ ngày 21/3/2012; Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 149/P2/071/2014/HĐTC ngày 23/12/2014 tuy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất không có đăng ký giao dịch bảo đảm nhưng hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời tại phiên Tòa ông S cho rằng, tài sản thế chấp hiện đang do ông S quản lý và sử dụng và ông S cũng đồng ý để cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp khi ông S không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Do đó Ngân hàng yêu cầu nếu ông S không có khả năng thanh toán nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 20.994m<sup>2</sup> loại đất ao tôm, tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Khóm Giồng Me, Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và 01 căn nhà tường cấp 4 gắn liền trên đất (mái lợp tol, nền lát gạch men, vách tường) có chiều ngang 5m, chiều dài 16m, nhà xây dựng năm 2018, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 197740 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trịnh Tặc S vào ngày 24/01/1997 để Ngân hàng thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 15/5/2021) ông Trịnh Tặc S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2012-45/HĐTD ngày 21/3/2012; Hợp đồng tín dụng số 149/P2/071/2014/HĐTD ngày 23/12/2014 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) ông Trịnh Tặc S phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm ứng trước nên ông S có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 320, khoản 1 Điều 325, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 92 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn Trịnh Tặc S.

Buộc ông Trịnh Tặc S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2021) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc 350.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn 200.925.278 đồng;
- Nợ lãi quá hạn 54.570.556 đồng.

Tổng cộng 605.495.834 đồng (Sáu trăm lẻ năm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng).

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (15/5/2021) ông Trịnh Tặc S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng số 2012-45/HĐTD ngày 21/3/2012; Hợp đồng tín dụng số 149/P2/071/2014/HĐTD ngày 23/12/2014 mà hai bên đã ký kết cho đến khi thi hành xong số tiền vốn vay cho Ngân hàng.

3/ Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trịnh Tặc S không thanh toán số tiền nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 20.994m<sup>2</sup> loại đất ao tôm, tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Khóm Giồng Me, Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và 01 căn nhà tường cấp 4 gắn liền trên đất (mái lợp tol, nền lát gạch men, vách tường) có chiều ngang 5m, chiều dài 16m, nhà xây dựng năm 2018, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 197740 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trịnh Tặc S vào ngày 24/01/1997, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7606-128578670/HĐTC ngày 18/12/2009; Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 7606-128578670 ngày 26/02/2011; Phụ lục Hợp đồng số 07/PLHĐ ngày 21/3/2012; Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 149/P2/071/2014/HĐTC ngày 23/12/2014 để Ngân hàng thu hồi nợ.

4/ Về án phí sơ thẩm: Ông Trịnh Tặc S phải chịu 28.219.833 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm mười chín nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) Ngân hàng A không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.969.763 đồng (mười ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003779, ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

5/ Về chi phí xem xét, thẩm định: 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) ông Trịnh Tặc S phải chịu. Do Ngân hàng A đã tạm ứng trước nên ông S có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

6/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HSVA.

**Đã ký**

**Dương Châu Hùng**